|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **­­­­­­­­­­­­­­­­­­­\_\_\_\_\_\_\_\_**  Số: /2017/NĐ-CP | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |
|  | *Hà Nội, ngày tháng năm 2017* |

**Dự thảo 1**

**NGHỊ ĐỊNH**

Quy định chi tiết về quản lý, phát triển thương mại biên giới

# CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết về quản lý, phát triển thương mại biên giới.*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết về quản lý, phát triển thương mại biên giới với các nước có chung biên giới, gồm các hoạt động:

1. Mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới của thương nhân.

2. Mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới.

3. Xuất, nhập cảnh người và phương tiện trong hoạt động thương mại biên giới.

4. Mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thương mại biên giới.

2. Các cơ quan, tổ chức quản lý và điều hành hoạt động thương mại biên giới.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động thương mại biên giới.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nước có chung biên giới là nước có chung đường biên giới đất liền với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (bao gồm: Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Vương quốc Campuchia).

2. Cửa khẩu cho hoạt động thương mại biên giới bao gồm: cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính, cửa khẩu khác và nơi mở ra cho qua lại biên giới.

3. Cửa khẩu khác và nơi mở ra cho qua lại biên giới (sau đây gọi chung là “cửa khẩu khác”) là các cửa khẩu phụ, lối mở biên giới đáp ứng theo quy định hiện hành về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền.

4. Cư dân biên giới hai bên là công dân Việt Nam và công dân nước có chung biên giới có hộ khẩu thường trú tại xã, phường, thị trấn (hoặc khu vực địa giới hành chính tương đương) có một phần địa giới hành chính trùng hợp với đường biên giới quốc gia trên đất liền.

5. Chợ biên giới bao gồm chợ biên giới hoặc khu (điểm) chợ biên giới, chợ cửa khẩu và chợ trong khu kinh tế cửa khẩu (sau đây gọi chung là “chợ biên giới”) nằm trong địa bàn xã, phường, thị trấn hoặc khu vực hành chính tương đương có một phần địa giới hành chính trùng với biên giới quốc gia trên đất liền, đồng thời có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, mua bán, trao đổi hàng hóa của thương nhân và cư dân biên giới.

6. Hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới của thương nhân là hoạt động thương mại dưới các hình thức quy định tại Luật Thương mại năm 2005, Luật Quản lý ngoại thương năm 2017 và được thực hiện theo quy định tại Nghị định này. Hoạt động kinh doanh tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập và chuyển khẩu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

**Điều 4. Thanh toán trong hoạt động thương mại biên giới**

1. Hoạt động thương mại biên giới được thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi, đồng Việt Nam hoặc đồng tiền của nước có chung biên giới.

2. Phương thức thanh toán:

a) Thanh toán qua ngân hàng.

b) Thanh toán không dùng tiền mặt: bù trừ giữa hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu với hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu; thông qua tài khoản phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam; thanh toán trực tiếp vào tài khoản của thương nhân tại ngân hàng ở khu vực cửa khẩu của Việt Nam.

c) Thanh toán bằng tiền mặt.

3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện thanh toán trong hoạt động thương mại biên giới.

Chương II

HOẠT ĐỘNG MUA BÁN, TRAO ĐỔI HÀNG HÓA

QUA BIÊN GIỚI CỦA THƯƠNG NHÂN

**Điều 5. Thương nhân mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới**

1. Thương nhân được thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới là thương nhân Việt Nam không có vốn đầu tư nước ngoài, bao gồm doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định thương nhân có vốn đầu tư nước ngoài, công ty và chi nhánh công ty nước ngoài tại Việt Nam được thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa qua biên giới, thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

3. Trên cơ sở hồ sơ đăng ký của thương nhân, Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới lựa chọn công bố danh sách thương nhân biên giới được thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua cửa khẩu.

a) Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới ưu tiên lựa chọn thương nhân có trụ sở đăng ký kinh doanh hoặc Chi nhánh tại tỉnh biên giới.

b) Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới rà soát tình hình tuân thủ quy định pháp luật của thương nhân trong danh sách để điều chỉnh, bổ sung.

**Điều 6. Hồ sơ, thủ tục đăng ký thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua cửa khẩu khác**

1. Thương nhân quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định này đăng ký trực tiếp hoặc gửi 01 (một) bộ hồ sơ qua đường bưu điện đến Sở Công Thương tỉnh biên giới nơi có cửa khẩu khác; hồ sơ gồm:

a) Đơn đăng ký hoạt động mua bán hàng hóa qua cửa khẩu khác theo mẫu quy định tại Phụ lục I Nghị định này.

b) Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hợp tác xã hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh: 01 (một) bản sao, có xác nhận đóng dấu sao y bản chính của thương nhân.

2. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương trình Uỷ ban nhân dân tỉnh biên giới danh sách thương nhân đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hoá qua cửa khẩu khác. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, Sở Công Thương tỉnh biên giới gửi văn bản thông báo thương nhân bổ sung và nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được danh sách đề nghị của Sở Công Thương, Uỷ ban nhân dân tỉnh biên giới công bố danh sách thương nhân được thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hoá qua cửa khẩu khác. Trường hợp từ chối lựa chọn thương nhân, Uỷ ban nhân dân tỉnh biên giới trả lời thương nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Uỷ ban nhân dân tỉnh biên giới thông báo danh sách thương nhân được thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hoá qua cửa khẩu khác trên các phương tiện thông tin đại chúng và gửi danh sách đến Bộ Công Thương.

5. Định kỳ hàng quý, Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới kiểm tra, rà soát tình hình tuân thủ quy định pháp luật của thương nhân để điều chỉnh, bổ sung hoặc đưa ra khỏi danh sách thương nhân vi phạm các quy định trong hoạt động mua bán, trao đổi hàng hoá qua biên giới; tổng hợp, báo cáo Bộ Công Thương để phối hợp điều hành.

**Điều 7. Hàng hóa mua bán, trao đổi qua biên giới của thương nhân**

1. Hàng hóa mua bán, trao đổi qua biên giới của thương nhân phải đáp ứng các quy định về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài.

2. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới ban hành Danh mục hàng hóa mua bán, trao đổi qua cửa khẩu khác của thương nhân trong từng thời kỳ nhằm đảm bảo khuyến khích xuất khẩu.

**Điều 8. Cửa khẩu biên giới thực hiện mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới của thương nhân**

1. Hoạt động thương mại biên giới của thương nhân được thực hiện qua cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính.

2. Trường hợp hoạt động thương mại biên giới thực hiện qua cửa khẩu khác, Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới thực hiện như sau:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới căn cứ vào điều kiện hạ tầng, kỹ thuật và lực lượng quản lý chuyên ngành tại khu vực cửa khẩu gửi báo cáo và xin ý kiến các Bộ: Quốc phòng, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và thành viên có liên quan của Ban chỉ đạo Thương mại biên giới Trung ương.

b) Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Ban chỉ đạo Thương mại biên giới Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, công bố cửa khẩu khác được phép thực hiện hoạt động thương mại biên giới.

3. Trong trường hợp hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua cửa khẩu khác, bị ùn tắc do quá tải hoặc ách tắc, Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới áp dụng các biện pháp điều hành để thực hiện:

a) Ưu tiên xuất khẩu các mặt hàng thực phẩm tươi sống, các mặt hàng nông sản mau hỏng;

b) Tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu hàng hóa cho đến khi không còn ách tắc.

**Điều 9. Kiểm dịch, kiểm tra về an toàn thực phẩm, kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa mua bán, trao đổi qua biên giới của thương nhân**

Hàng hóa mua bán qua biên giới của thương nhân phải tuân thủ các quy định của pháp luật và theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên về kiểm dịch y tế; kiểm dịch động vật, thực vật, kiểm dịch thủy sản; kiểm tra chất lượng hàng hóa; kiểm tra về an toàn thực phẩm.

**Điều 10. Hình thức thỏa thuận trong mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới của thương nhân**

1. Hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới của thương nhân được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận giữa thương nhân Việt Nam với thương nhân hoặc cá nhân của nước có chung biên giới bằng các hình thức sau:

a) Hợp đồng bằng văn bản.

b) Trường hợp không xác lập hợp đồng bằng văn bản thì thương nhân thực hiện mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới phải lập bảng kê mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới. Bảng kê được thương nhân Việt Nam ký tên, đóng dấu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực, có giá trị pháp lý tương đương hợp đồng.

2. Bảng kê mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới của thương nhân theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục II Nghị định này.

**Điều 11. Chính sách thuế, phí và lệ phí**

1. Thương nhân mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế theo quy định của pháp luật hiện hành đối với hàng hóa mua bán, trao đổi qua biên giới, được hưởng các ưu đãi theo quy định của pháp luật hiện hành và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

2. Hàng hóa xuất khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới của thương nhân quy định tại Nghị định này được hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Phí và lệ phí trong hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới của thương nhân được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan và chính sách ưu đãi về thuế, phí, lệ phí cho thương nhân biên giới.

Chương III

HOẠT ĐỘNG MUA BÁN, TRAO ĐỔI HÀNG HÓA

CỦA CƯ DÂN BIÊN GIỚI

**Điều 12. Chủ thể mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới**

1. Cư dân biên giới là công dân Việt Nam và công dân nước có chung biên giới có hộ khẩu thường trú tại các khu vực biên giới.

2. Người có giấy phép của cơ quan công an tỉnh biên giới cho cư trú ở khu vực biên giới.

**Điều 13. Cửa khẩu biên giới thực hiện mua bán hàng hóa của cư dân biên giới**

Hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới được thực hiện qua các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính. Trường hợp hoạt động thương mại biên giới của cư dân thực hiện qua cửa khẩu khác thì phải bảo đảm các điều kiện, chịu sự giám sát, quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và các pháp luật liên quan khác.

**Điều 14. Hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới**

1. Hàng hóa của cư dân biên giới là hàng hóa được sản xuất tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc nước có chung biên giới do cư dân biên giới mua bán, trao đổi ở khu vực biên giới hai nước để phục vụ các nhu cầu sinh hoạt, sản xuất của cư dân biên giới.

2. Bộ Công Thương quy định cụ thể Danh mục hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới để thực hiện chính sách đối với hoạt động mua bán của cư dân biên giới quy định tại Nghị định này.

**Điều 15. Thuế đối với hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới**

1. Chủ thể mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới quy định tại Điều 12 Nghị định này được miễn thuế nhập khẩu và các loại thuế, phí khác (nếu có) với giá trị không quá 2.000.000 (hai triệu) đồng/1 người/1 ngày/1 lượt và không quá 4 lượt/1 tháng đối với hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới do Bộ Công Thương ban hành theo khoản 2 Điều 14 Nghị định này.

2. Phần giá trị hàng hóa vượt định mức quy định tại khoản 1 Điều này phải chịu thuế theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Bộ Tài chính hướng dẫn việc miễn thuế đối với hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới; hướng dẫn thủ tục thu thuế đối với phần giá trị hàng hóa vượt định mức quy định.

**Điều 16. Quản lý mua gom, vận chuyển hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới**

1. Đối với hàng hóa trong định mức nhưng cư dân biên giới không sử dụng cho đời sống và sản xuất của mình mà bán nhượng lại thì phải chịu thuế theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thương nhân thực hiện mua gom, vận chuyển hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới tại khu vực chợ biên giới.

3. Thương nhân thực hiện mua gom phải lập bảng kê mua gom hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới.

4. Hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới khi được mua gom phải nộp thuế nhập khẩu và các loại thuế khác (nếu có) theo quy định và phải thực hiện kiểm dịch, kiểm tra về an toàn thực phẩm, kiểm tra chất lượng theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

5. Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục thu thuế đối với phần hàng hóa mà cư dân biên giới không sử dụng trực tiếp cho đời sống và sản xuất mà bán nhượng lại.

**Điều 17. Kiểm dịch, kiểm tra chất lượng hàng hóa, an toàn thực phẩm trong hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới**

1. Hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới không phải kiểm dịch y tế, trừ trường hợp Bộ Y tế thông báo có nguy cơ dịch bệnh truyền nhiễm và khi có dịch bệnh xảy ra thì phải kiểm tra thực tế và xử lý y tế.

2. Hàng hóa thuộc diện phải kiểm dịch động vật, thực vật và kiểm dịch thủy sản do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố trong từng thời kỳ phải được kiểm dịch theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới không phải kiểm tra, kiểm soát về chất lượng, an toàn thực phẩm.

Chương IV

CHỢ BIÊN GIỚI

**Điều 18. Điều kiện kinh doanh tại chợ biên giới**

Điều kiện kinh doanh tại chợ biên giới theo các quy định về quản lý chợ, quy định tại Nghị định này và điều ước quốc tế giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước có chung biên giới.

**Điều 19. Chủ thể hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới**

1. Thương nhân mang quốc tịch Việt Nam và có hộ khẩu thường trú tại khu vực biên giới.

2. Thương nhân là doanh nghiệp Việt Nam và hộ kinh doanh không có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài được thành lập, đăng ký theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh.

3. Thương nhân là cá nhân kinh doanh mang quốc tịch của nước có chung biên giới, có một trong các giấy tờ có giá trị sử dụng như sau: Hộ chiếu, Giấy Chứng minh thư biên giới, Giấy Thông hành xuất nhập cảnh vùng biên giới, hoặc giấy tờ có giá trị xuất nhập cảnh khác được cấp theo quy định của pháp luật của nước có chung biên giới, đăng ký kinh doanh tại chợ biên giới theo quy định tại Điều 20 Nghị định này.

4. Thương nhân là doanh nghiệp, hộ kinh doanh của nước có chung biên giới đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật của nước có chung biên giới, đăng ký kinh doanh tại chợ biên giới theo quy định tại Điều 20 Nghị định này.

**Điều 20. Trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh của thương nhân nước có chung biên giới kinh doanh tại chợ biên giới**

1. Thương nhân của nước có chung biên giới có nhu cầu kinh doanh tại chợ biên giới gửi 01 hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Công Thương hoặc cơ quan được Sở Công Thương ủy quyền (Ủy ban nhân dân huyện/ thị xã/ thành phố thuộc tỉnh); hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đăng ký kinh doanh tại chợ biên giới theo mẫu quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định này.

b) 01 (một) bản sao có chứng thực (hoặc bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu) các giấy tờ: (i) Hợp đồng hoặc thỏa thuận với Đơn vị (Ban, Cơ quan) quản lý chợ về việc thuê quầy hàng hoặc sạp hàng, ki-ốt, cửa hàng tại chợ (nếu có); (ii) Giấy tờ xuất cảnh, nhập cảnh còn giá trị của cư dân biên giới hoặc đại diện theo pháp luật của thương nhân (hộ chiếu hoặc giấy thông hành biên giới hoặc giấy thông hành xuất nhập cảnh vùng biên giới hoặc giấy tờ có giá trị xuất cảnh, nhập cảnh khác); (iii) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với thương nhân.

c) Ảnh của cư dân biên giới hoặc đại diện theo pháp luật của thương nhân: 02 (hai) ảnh cỡ 3x4.

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương hoặc cơ quan được Sở Công Thương ủy quyền có trách nhiệm xác nhận thương nhân kinh doanh tại chợ biên giới trong thời hạn 01 năm theo mẫu quy định tại Phụ lục IV kèm theo Nghị định này. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Công Thương hoặc cơ quan được Sở Công Thương ủy quyền gửi văn bản đề nghị Thương nhân hoặc cư dân biên giới bổ sung.

3. Trong trường hợp cần thêm thời gian để xin ý kiến phối hợp với các cơ quan có liên quan của Việt Nam và nước có chung biên giới, Sở Công Thương hoặc cơ quan được Sở Công Thương ủy quyền phải thông báo bằng văn bản và thời hạn xác nhận thương nhân kinh doanh tại khoản 1 Điều này được gia hạn thêm không quá 05 (năm) ngày làm việc.

4. Căn cứ vào nhu cầu của thị trường địa phương, khả năng bố trí địa điểm kinh doanh tại chợ biên giới, Sở Công Thương hoặc cơ quan được Sở Công Thương ủy quyền xem xét, quyết định từ chối không xác nhận thương nhân kinh doanh tại chợ biên giới bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Điều 21. Hàng hóa được mua bán, trao đổi tại chợ biên giới**

1. Hàng hóa được mua bán, trao đổi tại chợ biên giới phải là hàng hóa được phép lưu thông trên thị trường Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Hàng hóa mua bán, trao đổi qua biên giới để kinh doanh tại chợ biên giới phải tuân thủ các quy định của Nghị định này.

**Điều 22. Kiểm dịch đối với hàng hóa mua bán, trao đổi tại chợ biên giới**

1. Hàng hóa mua bán, trao đổi tại chợ biên giới thuộc đối tượng phải kiểm dịch (y tế, động vật, thực vật, thủy sản) thì phải thực hiện chế độ kiểm dịch theo quy trình thủ tục kiểm dịch của Bộ Y tế (đối với hàng hóa thuộc đối tượng phải kiểm dịch y tế), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với hàng hóa thuộc đối tượng phải kiểm dịch động vật, thực vật, thủy sản).

2. Khi hàng hóa được nhập khẩu từ nước có chung biên giới đưa vào chợ thì phải làm thủ tục kiểm dịch với cơ quan kiểm dịch tại cửa khẩu biên giới nơi hàng hóa nhập khẩu.

**Điều 23. Quy định về thuế, phí, lệ phí và hải quan đối với hàng hóa mua bán, trao đổi tại chợ biên giới**

1. Thương nhân kinh doanh trong chợ biên giới phải tuân thủ các quy định hiện hành về thuế, phí, lệ phí của Việt Nam: thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế môn bài, thuế tiêu thụ đặc biệt và các loại thuế khác (nếu có).

2. Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục hải quan về mua bán hàng hóa qua biên giới của thương nhân tại chợ biên giới

Chương V

XUẤT NHẬP CẢNH NGƯỜI VÀ PHƯƠNG TIỆN

TRONG HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI BIÊN GIỚI

**Điều 24. Xuất nhập cảnh người và phương tiện của Việt Nam**

1. Chủ hàng hoặc người được chủ hàng ủy quyền, chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa, nhân viên phục vụ trên xe, tàu, thuyền phải có một trong các loại giấy tờ có giá trị sử dụng như sau: Hộ chiếu, Giấy Chứng minh nhân dân, Giấy Thông hành xuất nhập cảnh vùng biên giới (Danh bạ thuyền viên hoặc sổ thuyền viên đối với tàu, thuyền) hoặc các giấy tờ qua lại biên giới khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Riêng người điều khiển phương tiện, ngoài giấy tờ quy định nêu trên còn phải có giấy phép điều khiển phương tiện phù hợp với loại phương tiện điều khiển.

2. Chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa khi vào các địa điểm tại khu vực biên giới phải xuất trình hoặc nộp các giấy tờ theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Phương tiện, người điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa và chủ thể kinh doanh của Việt Nam được đi qua các cửa khẩu, lối mở biên giới quy định tại Nghị định này để ra hoặc vào chợ biên giới phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của các lực lượng quản lý chuyên ngành tại cửa khẩu, lối mở biên giới; trường hợp vào sâu nội địa nước có chung biên giới phải tiến hành thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh cho người và phương tiện theo quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam và của nước có chung biên giới.

4. Việc quản lý phương tiện của Việt Nam đi qua biên giới để giao nhận hàng hóa ngay tại khu vực cửa khẩu sau đó quay lại trong ngày và phương tiện vận tải của cá nhân, tổ chức ở khu vực biên giới thường xuyên qua lại biên giới thực hiện theo quy định pháp luật.

5. Người và phương tiện vận tải hàng hóa quy định tại Điều này có nhu cầu đi vào điểm chuyển tải hàng hóa được quy định tại Hiệp định vận tải giữa Chính phủ Việt Nam và các nước có chung biên giới để giao nhận hàng hóa thì phải thực hiện theo các quy định của Hiệp định, Nghị định thư và các văn bản thỏa thuận khác đã ký kết giữa Việt Nam và các nước có chung biên giới về xuất nhập cảnh và vận tải hàng hóa.

**Điều 25. Xuất nhập cảnh người và phương tiện của nước có chung biên giới**

1. Công dân nước có chung biên giới là chủ hàng hoặc người được chủ hàng ủy quyền, chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện và nhân viên phục vụ trên phương tiện vận tải hàng hóa của nước có chung biên giới được theo phương tiện vận tải hàng hóa đi qua các cửa khẩu quy định tại Nghị định này để vào các điểm giao, nhận hàng hóa bằng Hộ chiếu, Sổ thuyền viên, Giấy Chứng minh nhân dân hoặc Giấy Thông hành xuất nhập cảnh vùng biên giới do cơ quan có thẩm quyền của nước có chung biên giới cấp hoặc giấy tờ qua lại biên giới khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

2. Phương tiện vận tải hàng hóa của nước có chung biên giới được qua các cửa khẩu theo quy định của Nghị định này để vào các điểm giao, nhận hàng hóa do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam quy định tại khu vực biên giới.

3. Phương tiện và công dân của nước có chung biên giới là người điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa và chủ thể kinh doanh của nước có chung biên giới khi ra, vào chợ biên giới của Việt Nam để vận chuyển hàng hóa phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu biên giới; khi có nhu cầu ra khỏi phạm vi chợ biên giới để vào trong nội địa Việt Nam thì phải thực hiện các thủ tục về xuất cảnh, nhập cảnh cho người và phương tiện theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

4. Phương tiện của nước có chung biên giới vào khu vực cửa khẩu của Việt Nam để giao nhận hàng hóa sau đó quay về nước ngay trong ngày và phương tiện vận tải của cá nhân, tổ chức ở khu vực biên giới thường xuyên qua lại khu vực biên giới trong ngày không phải kê khai tờ khai hải quan và nộp hồ sơ phương tiện nhưng phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan chức năng tại cửa khẩu và xuất trình giấy tờ cho hải quan giám sát, kiểm tra, quản lý.

5. Việc quản lý phương tiện của nước có chung biên giới vào khu vực cửa khẩu của Việt Nam để giao nhận hàng hóa ngay tại khu vực cửa khẩu sau đó quay lại trong ngày và phương tiện vận tải của cá nhân, tổ chức ở khu vực biên giới thường xuyên qua lại biên giới thực hiện theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp người và phương tiện của nước có chung biên giới có nhu cầu đi vào các địa điểm khác ngoài khu vực cửa khẩu để giao nhận hàng hóa thì phải thực hiện theo các quy định của Hiệp định, Nghị định thư và các văn bản thỏa thuận khác đã ký kết giữa Việt Nam và các nước có chung biên giới về xuất nhập cảnh và vận tải hàng hóa.

**CHƯƠNG VI**

**ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI BIÊN GIỚI**

**Điều 26. Ban Chỉ đạo thương mại biên giới Trung ương**

1. Thành phần Ban Chỉ đạo thương mại biên giới Trung ương (sau đây gọi tắt là Ban chỉ đạo Trung ương) gồm:

a) Trưởng ban: Bộ trưởng Bộ Công Thương.

b) Phó Trưởng ban thường trực: Thứ trưởng Bộ Công Thương phụ trách lĩnh vực thương mại biên giới.

c) Các Ủy viên:

- Thứ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ: Ngoại giao, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Thủ trưởng các cơ quan chức năng: Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Tổng cục An ninh, Tổng cục Hải quan, Tổng cục Quản lý thị trường.

2. Giúp việc cho Trưởng ban và Ban Chỉ đạo Trung ương có Cơ quan Thường trực đặt tại Bộ Công Thương. Tổ chức và hoạt động của Cơ quan Thường trực do Trưởng ban quyết định theo đề nghị của Phó Trưởng Ban thường trực.

3. Trưởng Ban Chỉ đạo thương mại biên giới Trung ương hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới kiện toàn Ban Chỉ đạo thương mại biên giới tỉnh do một lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng Ban, Giám đốc Sở Công Thương làm Phó Trưởng Ban thường trực. Các Ủy viên là lãnh đạo các Sở, ngành có liên quan tại địa phương.

**Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo Trung ương**

1. Giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo và tổ chức phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương trong quản lý hoạt động thương mại biên giới; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao liên quan đến thương mại biên giới; giải quyết các công việc liên quan đến nhiều Bộ, ngành, địa phương về quản lý hoạt động thương mại biên giới.

2. Tổng hợp tình hình, đánh giá kết quả hoạt động thương mại biên giới của các Bộ, ngành, địa phương; báo cáo và kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ các chủ trương, biện pháp, chương trình và kế hoạch nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thương mại biên giới.

3. Giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo điều hành hoạt động tại các cửa khẩu biên giới; chỉ đạo Ủy ban nhân dân các tỉnh quản lý hoạt động hỗ trợ thương mại tại các cửa khẩu biên giới.

4. Tổ chức thực hiện các hình thức thi đua, khen thưởng theo thẩm quyền; kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động thương mại biên giới theo quy định của pháp luật.

5. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 28. Chế độ làm việc của Ban Chỉ đạo Trung ương**

1. Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương và Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương do Trưởng ban quyết định và ban hành theo đề nghị của Phó Trưởng Ban thường trực.

2. Các thành viên của Ban Chỉ đạo Trung ương làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

3. Trưởng ban sử dụng con dấu của Bộ Công Thương để giao dịch.

**Điều 29. Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương**

Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương do ngân sách nhà nước bảo đảm và được bố trí trong kinh phí hoạt động thường xuyên của Bộ Công Thương, các nguồn vốn hỗ trợ và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bảo đảm kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp địa phương.

**CHƯƠNG VII**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**Điều 30. Trách nhiệm của Bộ Công Thương**

1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan để tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quản lý và điều hành linh hoạt, kịp thời hoạt động thương mại biên giới.

3. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý hoạt động thương mại biên giới.

4. Hợp tác, trao đổi, thỏa thuận với cơ quan có thẩm quyền của các nước có chung biên giới về cơ chế phối hợp trong quản lý hoạt động thương mại biên giới.

5. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới điều tiết hoạt động mua bán hàng hóa qua biên giới của thương nhân tại các cửa khẩu khác trong trường hợp có khả năng ùn tắc hàng hóa tại cửa khẩu khác nguy cơ ô nhiễm môi trường, thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp cần thiết khác.

6. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới quy định đối với cửa khẩu khác được thực hiện mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới.

7. Tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền định kỳ hoặc đột xuất về hoạt động thương mại biên giới.

**Điều 31. Trách nhiệm của các Bộ, ngành có liên quan**

1. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới thực hiện quản lý tại các cửa khẩu biên giới trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới hướng dẫn thực hiện chính sách thuế, phí và lệ phí; thủ tục hải quan đối với phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong hoạt động thương mại biên giới; thủ tục kiểm tra, giám sát đối với việc mua gom, vận chuyển hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới.

3. Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới quản lý, hướng dẫn thực hiện công tác kiểm dịch y tế biên giới, kiểm tra về an toàn thực phẩm trong hoạt động thương mại biên giới.

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới quản lý, hướng dẫn thực hiện công tác kiểm dịch động vật, thực vật, kiểm dịch thủy sản trong hoạt động thương mại biên giới.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới quản lý, hướng dẫn thực hiện công tác kiểm tra về chất lượng hàng hóa trong hoạt động thương mại biên giới.

6. Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới tạo điều kiện phát triển về hạ tầng giao thông phục vụ cho hoạt động thương mại biên giới; hướng dẫn thực hiện các quy định có liên quan đối với các phương tiện xuất nhập cảnh qua biên giới.

7. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới quản lý, hướng dẫn về thanh toán trong hoạt động thương mại biên giới.

8. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới quản lý, hướng dẫn thực hiện quản lý cư trú, xuất nhập cảnh người trong hoạt động thương mại biên giới.

9. Các Bộ, ngành liên quan phối hợp với Bộ Công Thương để thống nhất hướng dẫn, chỉ đạo việc quản lý và điều hành hoạt động thương mại biên giới thuộc phạm vi trách nhiệm của mình,

10. Các Bộ, ngành liên quan cử thành viên tham gia Ban Chỉ đạo thương mại biên giới Trung ương theo quy định tại Nghị định này để thực hiện cơ chế phối hợp liên ngành về quản lý và điều hành hoạt động thương mại biên giới.

**Điều 32. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

1. Tổ chức quản lý và điều hành hoạt động thương mại biên giới trên địa bàn quản lý.

2. Thực hiện các chỉ đạo điều hành về hoạt động thương mại biên giới của Ban Chỉ đạo thương mại biên giới Trung ương, Bộ Công Thương và các Bộ, ngành có liên quan.

3. Điều hành Ban Chỉ đạo thương mại biên giới tỉnh để thực hiện cơ chế phối hợp liên ngành về quản lý và điều hành hoạt động thương mại biên giới trên địa bàn tỉnh.

**Điều 33. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày….tháng…năm….

2. Nghị định này bãi bỏ các văn bản sau:

a) Quyết định số 52/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới.

b) Bãi bỏ Điều ….Thông tư số 34/2016/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết hoạt động mua bán hàng hóa qua biên giới của thương nhân tại Quyết định số 52/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới.

c) Bãi bỏ Điều …Thông tư số 54/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định Danh mục hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới.

d) Bãi bỏ….Quyết định số 22/2008/QĐ-BCT ngày 31 tháng 7 năm 2008 của Bộ Công Thương ban hành Quy chế quản lý chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu.

đ) Bãi bỏ … Thông tư số 218/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn chính sách và quản lý thuế đối với thương nhân thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu theo Quyết định số 52/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

e) Bãi bỏ… Thông tư số 217/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục hải quan; quản lý thuế đối với hoạt động thương mại biên giới của thương nhân và cư dân biên giới theo Quyết định số 52/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Trong quá trình thực hiện nếu các văn bản dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản mới.

4. Trường hợp cần điều hành linh hoạt hoạt động thương mại biên giới phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương và trong từng thời kỳ, Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định việc điều chỉnh hoạt động mua bán hàng hóa qua biên giới của thương nhân và cư dân biên giới trên cơ sở đề nghị của Bộ Công Thương.

5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ban Bí thư Trung ương Đảng;  - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;  - VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;  - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;  - Văn phòng Tổng Bí thư;  - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Văn phòng Quốc hội;  - Tòa án Nhân dân tối cao;  - Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;  - Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;  - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;  - UB Giám sát Tài chính Quốc gia;  - Kiểm toán Nhà nước;  - Ngân hàng Chính sách xã hội;  - Ngân hàng Phát triển Việt Nam;  - VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT,  các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;  - Lưu: Văn thư, KTTH (5b). | **TM. CHÍNH PHỦ**  **THỦ TƯỚNG**  **Nguyễn Xuân Phúc** |

**PHỤ LỤC I**

**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG MUA BÁN, TRAO ĐỔI HÀNG HÓA QUA CỬA KHẨU BIÊN GIỚI**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017*

*của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ……./  V/v đăng ký thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới | *……., ngày … tháng … năm …* |

**ĐƠN ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG MUA BÁN, TRAO ĐỔI HÀNG HÓA QUA CỬA KHẨU BIÊN GIỚI**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh ....

- Tên thương nhân: ……..

- Địa chỉ trụ sở đăng ký kinh doanh: ………..

- Điện thoại:........ Fax:.............. Email:................... Website:............

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:... do ………….. cấp ngày ...

- Ngành, nghề kinh doanh chính:……………..

Căn cứ Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ về việc quản lý hoạt động thương mại biên giới, ... đề nghị Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh ... cho phép thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua cửa khẩu biên giới.../.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện theo pháp luật của Thương nhân** (Ghi rõ chức danh, họ tên, ký tên và đóng dấu) |

**PHỤ LỤC II**

**MẪU BẢNG KÊ MUA BÁN, TRAO ĐỔI HÀNG HÓA QUA BIÊN GIỚI**

**CỦA THƯƠNG NHÂN**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017*

*của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *..., ngày ... tháng ... năm ...* |

**BẢNG KÊ MUA BÁN, TRAO ĐỔI HÀNG HÓA QUA BIÊN GIỚI**

Số: …/BK-…

**BÊN MUA/BÊN BÁN:** (Tên thương nhân)

* + Địa chỉ:

**-** Điện thoại: Fax:

* + Mã số thuế:
  + Số tài khoản:
  + Người đại diện:

**BÊN BÁN/BÊN MUA:** (Tên thương nhân)

* + Địa chỉ:

**-** Điện thoại: Fax:

* + Mã số thuế (nếu có) :
  + Số tài khoản (nếu có):
  + Người đại diện:

*(Tên thương nhân)* đã thỏa thuận về việc mua bán hàng hóa với đối tác ... với các nội dung dưới đây:

1. **Tên hàng, số lượng, giá cả**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên hàng** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** |
|  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |

1. **Phương thức giao nhận**
   * Điều kiện giao hàng:
   * Địa điểm giao hàng:
   * Thời gian giao hàng:
2. **Thanh toán**
   * Phương thức thanh toán:
   * Đồng tiền thanh toán:
   * Thời hạn thanh toán:
3. **Quy cách, phẩm chất hàng hóa**
4. **Các nội dung khác**

*(Tên thương nhân)* xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các nội dung giao dịch đã nêu tại Bảng kê này và cam kết thực hiện đúng các quy định pháp luật có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện theo pháp luật của**  **Thương nhân**  (Ghi rõ chức danh, họ tên, ký tên và đóng dấu) |

**Phụ lục III**

**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ KINH DOANH TẠI CHỢ BIÊN GIỚI**

**CỦA THƯƠNG NHÂN HOẶC CƯ DÂN BIÊN GIỚI TRUNG QUỐC**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017*

*của Chính phủ)*

**ĐƠN XIN ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

Tại chợ biên giới ……………..

Số sạp hàng, ki-ốt, cửa hàng (*nếu có*): ............

*......, ngày .... tháng .... năm ......*

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh…/Ủy ban nhân dân huyện...

1. Tổ chức, cá nhân làm đơn:

* Tên thương nhân/Họ và tên cư dân biên giới: ....................................................
* Đại diện (Trường hợp thương nhân):............................. Chức vụ:......................
* Sinh năm:.........................

1. Giấy tờ xuất nhập cảnh:

* Số: ..................
* Ngày cấp: .................................. Cơ quan cấp: ................................
* Thời hạn: ..................................

1. Địa chỉ:

- Nơi đăng ký trụ sở chính (Trường hợp thương nhân): ......................................

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ......................................................................

- Điện thoại: ...............................        Fax: ..........................................................

Cam kết: Tôi xin cam đoan những nội dung ghi trong đơn là đúng sự thật. Nếu có sai, tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam. Khi được chấp thuận, tôi xin cam kết tuân thủ các quy định pháp luật của Nhà nước Việt Nam./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người làm đơn**   * *Đối với cá nhân hoặc hộ kinh doanh chỉ cần ký và ghi họ tên.* * *Đối với thương nhân phải ghi rõ chức danh, ký, ghi họ tên và đóng dấu.* |

**Phụ lục IV**

**MẪU GIẤY XÁC NHẬN KINH DOANH TẠI CHỢ BIÊN GIỚI**

**CỦA THƯƠNG NHÂN HOẶC CƯ DÂN BIÊN GIỚI (TRUNG QUỐC/LÀO/CAMPUCHIA)**

*(Kèm theo Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH...  **SỞ CÔNG THƯƠNG/ ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN...**  Số: ……./XN-...... | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *......, ngày .... tháng .... năm ......* |

|  |  |
| --- | --- |
| Ảnh 4x6 | **GIẤY XÁC NHẬN KINH DOANH**  Tại khu (điểm) chợ biên giới ……………..  Số sạp hàng, ki-ốt, cửa hàng (*nếu có*): ............ |

1. Cấp cho: .............................................................................................................

Đại diện (Trường hợp thương nhân):.............................. Chức vụ: ....................

* Sinh năm: .......................

1. Giấy tờ xuất nhập cảnh:

* Số: ............................. Ngày cấp: ................................ Nơi cấp: .....................

1. Địa chỉ :

Được phép kinh doanh tại chợ……................

Số sạp hàng, ki-ốt, cửa hàng (*nếu có*): ........................

Thời hạn: 01 năm, kể từ ngày ...... tháng ...... năm ......

đến ngày ...... tháng ...... năm ......

|  |  |
| --- | --- |
|  | **GIÁM ĐỐC/ CHỦ TỊCH**  (Hoặc người được ủy quyền)  (Ký tên và đóng dấu) |